| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17/5/2022
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Ông Bùi Văn Lực

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Hà Giang và bà Nguyễn Thị PH Lan

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa***: Bà Đinh Thị Q, Kiểm sát viên

Ngày 17/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1987; địa chỉ xóm 2A, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Mai Xuân Q sinh năm 1985; địa chỉ xóm 2A, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2022, bản tự khai ngày 13/01/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H và anh Q tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã N 13/11/2006. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc; từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mầu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp và liên quan đến tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng xô xát cãi vã nhau; từ tháng 11/2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin được ly hôn với anh Q. Về con, vợ chồng có 03 con là cháu Mai Tuyết T1 sinh ngày 16/02/2007, cháu Mai Tường T2 sinh ngày 10/4/2011 và cháu Mai Hải T3 sinh ngày 27/8/2015, hiện nay cháu T1 và cháu T2 đang do anh Q nuôi dưỡng, còn cháu T3 do chị H nuôi dưỡng; chị H đề nghị giao cháu T1 và cháu T3 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T1 và cháu T3 trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu T2 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T2 trưởng thành đủ 18 tuổi; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, chị H cam đoan sẽ

đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu T1 và cháu T3. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản, vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Bản tự khai ngày 13/01/2022 bị đơn là anh Q trình bày: Anh Q và chị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã N ngày 13/11/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng; hiện nay vợ chồng đang sống ly thân nhau; anh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh Q không đồng ý ly hôn với chị H. Về con, vợ chồng có 03 con là cháu Mai Tuyết T1 sinh ngày 16/02/2007, cháu Mai Tường T2 sinh ngày 10/4/2011 và cháu Mai Hải T3 sinh ngày 27/8/2015; cả ba cháu hiện nay đang do anh Q chăm sóc và nuôi dưỡng, nếu ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản, vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về ly hôn: Cho chị H được ly hôn với anh Q.

- Về con, giao cháu T1 và cháu T3 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu T2 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu T2 trưởng thành đủ 18 tuổi; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom con chung.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

**[1] Thủ tục tố tụng**:

***Về quan hệ pháp luật***: Chị H khởi kiện "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Q, việc khởi kiện của chị H được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Về thẩm quyền giải quyết vụ án***: Anh Q cư trú tại xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

***Về sự vắng mặt của bị đơn***: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Q, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về yêu cầu ly hôn**:

Chị H và anh Q tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã N ngày 13/11/2006, tại thời điểm kết hôn chị H đã đủ 18 tuổi và anh Q đã đủ 20 tuổi; theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, thì hôn nhân giữa chị H và anh Q là hợp pháp.

Về lý do ly hôn, theo chị H khai do tình cảm và tính tình vợ chồng không hợp, nên từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và từ tháng 11/2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Theo anh Q khai trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay anh Q và chị H đang ly thân nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Q trong thời gian qua đã phát sinh mâu thuẫn; việc vợ chồng sống ly thân nhau đã thể hiện là vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau; dẫn đến hôn nhân giữa chị H và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H và anh Q ly hôn.

**[3] Về nuôi con**:

Chị H và anh Q có 03 con là cháu Mai Tuyết T1 sinh ngày 16/02/2007, cháu Mai Tường T2 sinh ngày 10/4/2011 và cháu Mai Hải T3 sinh ngày 27/8/2015, chị H đề nghị giao cháu T1 và cháu T3 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T2 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; anh Q đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo pháp luật. Theo nguyện vọng của cháu T1 là được ở với mẹ, nguyện vọng của cháu T2 là được ở với bố. Do vậy chấp nhận đề nghị của chị H giao cháu T1 và cháu T3 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu T2 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T2 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Q nuôi một cháu, chị H nuôi hai cháu, chị H không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H và chi H cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả hai cháu; nên Tòa án không buộc chị H và anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

**[4] Về tài sản**: Chị H và anh Q đều trình bày vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

**[5] Về án phí**: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

***Vì các lẽ trên!***

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- Về ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H, cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Mai Xuân Q ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Mai Tuyết T1 sinh ngày 16/02/2007 và cháu Mai Hải T3 sinh ngày 27/8/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu Mai Tường T2 sinh ngày 10/4/2011 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T2 trưởng thành đủ 18 tuổi; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu T1 và cháu T3 được sống chung với chị H và anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc cháu T1 và cháu T3; chị H không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc cháu T1 và cháu T3.

Chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu T2 được sống chung với anh Q và chị H có quyền thăm nom, chăm sóc cháu T2; anh Q không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc cháu T2.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005516 ngày 10/01/2022 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị H đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Các đương sự
- UBND xã N
- Chi cục THA
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

**Bùi Văn Lực**